TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị L**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Lô 16 - C13, đường Trần Quang Kh, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Hải B**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: F16 – 25, đường Nguyễn Văn T, khu phố 5, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Võ Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Hải B tự quen nhau, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào tháng

12/2014 âm lịch, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng B, huyện AM, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/01/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2016 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, anh B thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi. Chị đã cố gắng hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 6/2016, chị và mẹ ruột dọn ra ngoài sinh sống tại địa chỉ: lô 16 - C13, đường Trần Quang Kh, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không có mang thai.

- Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản xác minh lập ngày 23/10/2020, bà Phạm Thị C cung cấp nội dung sự việc như sau: Bà là mẹ ruột của chị Võ Thị L. Khi chị L lập gia đình thì bà và chị L sinh sống cùng với anh B tại địa chỉ: F16 – 25, đường Nguyễn Văn T, khu phố 5, phường VL, thành phố RG. Trong thời gian chung sống, bà chứng kiến vợ chồng thường hay cự cãi về vấn đề B không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên bỏ nhà đi. Tình trạng này kéo dài đến tháng 6/2016 thì bà và chị L dọn ra ngoài sinh sống tại địa chỉ: lô 16 - C13, đường Trần Quang Kh, phường AH, thành phố RG cho đến nay. Sau này chị L làm đơn xin ly hôn với anh B thì mới biết anh B không còn sinh sống tại địa chỉ : F16 – 25, đường Nguyễn Văn T, khu phố 5, phường VL, thành phố RG, bà cũng không biết thông tin gì về anh B từ tháng 6/2016 cho đến nay.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Võ Thị L yêu cầu ly hôn đối với bị đơn – anh Đỗ Hải B nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Đỗ Hải B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Võ Thị L yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Đỗ Hải B.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị L và anh B tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng B, huyện AM, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/01/2015; như vậy, việc kết hôn của chị L và anh B đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, anh B thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn trên cũng phù hợp với nội dung sự việc được xác minh đối với bà Phạm Thị C. Sau khi vợ chồng ly thân từ tháng 6/2016, chị L đã tìm cách liên hệ anh B nhiều lần nhưng không biết được anh đang ở đâu nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh B mất tích. Đến ngày 13/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố RG tuyên

bố anh B mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 93/2020/QĐST-VDS. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – chị L đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn –anh B không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2] Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không có mang thai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn – Chị Võ Thị L.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Võ Thị L phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004366, ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Võ Thị L, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L được ly hôn với anh Đỗ Hải B.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không có mang thai, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Võ Thị L phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004366, ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị L không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hưng B, huyện AM, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân